

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY  
DỰNG AMECC



Số: 1904/2022/CBTT-AMS

V/v: CBTT Báo cáo thường niên 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

- Mã chứng khoán: **AMS**
- Địa chỉ : Km35, Quốc lộ số 10, xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP.Hải Phòng
- Điện thoại : (+84) 2253.922786 Fax: (+84) 2253.922783
- Website : <https://amecc.com.vn>
- Người thực hiện công bố thông tin: **LÊ THỊ LƯƠNG**
- Địa chỉ : Xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng
- Điện thoại : 0334058831
- Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24  theo yêu cầu

## 2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Cơ khí xây dựng AMECC công bố thông tin Báo cáo thường niên 2021. Nội dung chi tiết như văn bản đính kèm

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2022 tại: <https://amecc.com.vn/cong-bo-thong-tin-170094.html>


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2021

### Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

  
Lê Thị Lương

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY  
DỰNG AMECC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**  
-----o0o-----

Số: 1804/2022/BC-AMECC

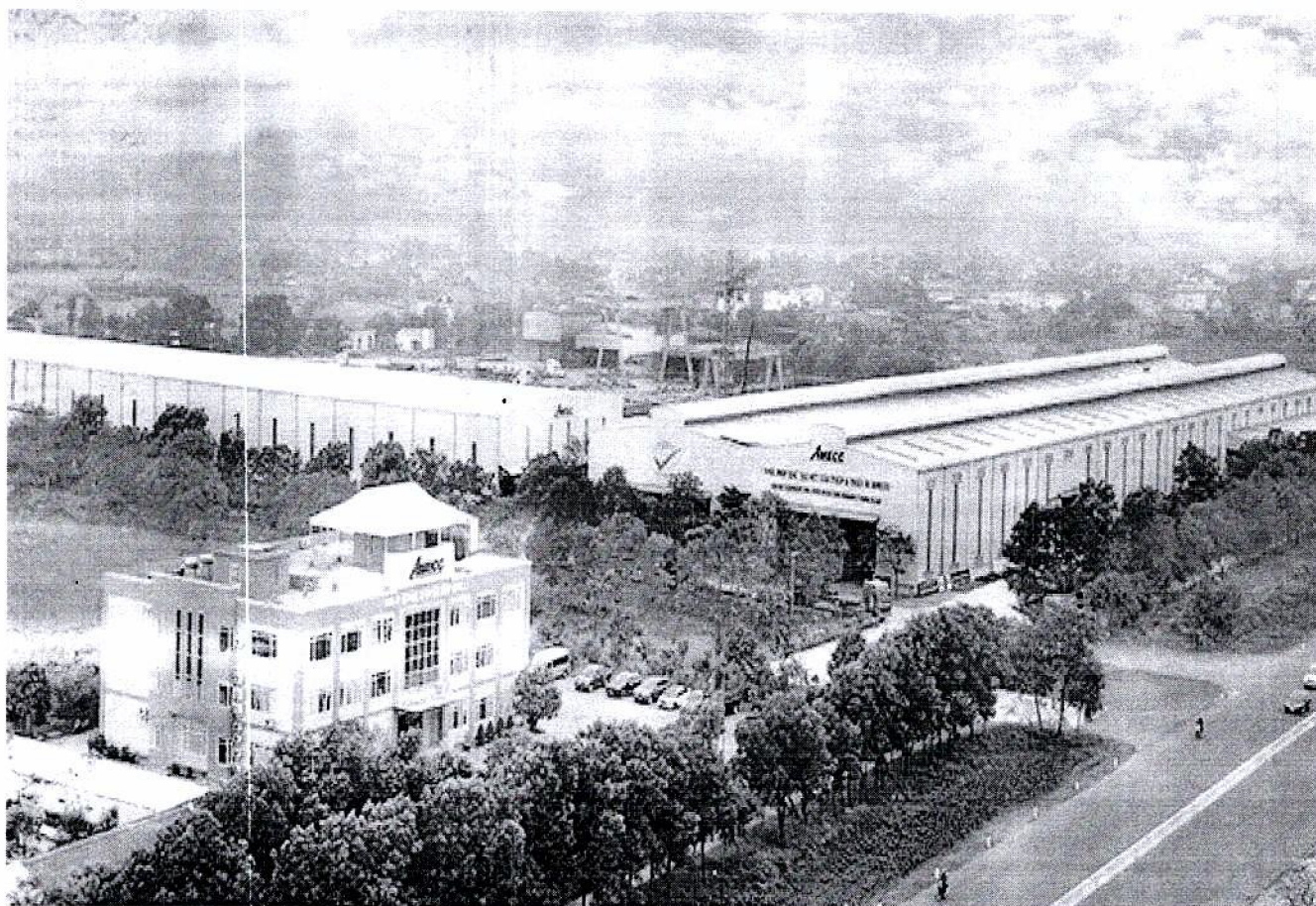
*Hải Phòng, ngày 18 tháng 04 năm 2022*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

**NĂM BÁO CÁO 2021**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của  
Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



**Hải Phòng, tháng 4/2022**

MỤC LỤC

<b>Danh mục từ viết tắt .....</b>	<b>2</b>
<b>A1. PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>3</b>
1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT .....	3
2. Một số chỉ tiêu chính .....	4
3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi .....	4
<b>A2. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>5</b>
1. Thông tin chung .....	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	8
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo .....	10
5. Định hướng phát triển .....	12
6. Các rủi ro .....	14
<b>B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....</b>	<b>14</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	14
2. Tổ chức và nhân sự .....	16
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án .....	19
4. Tình hình tài chính .....	20
5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu .....	21
<b>C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>22</b>
1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 .....	22
2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 .....	24
3. Tình hình tài chính .....	24
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý .....	25
5. Phương hướng phát triển .....	25
<b>D. BÁO CÁO CỦA HĐQT .....</b>	<b>28</b>
1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty .....	28
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc .....	28
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT .....	28
<b>E. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>29</b>
1. Hội đồng quản trị .....	29
2. Ban kiểm soát .....	32
3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc .....	33
4. Tăng cường quản trị công ty .....	34
<b>F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG .....</b>	<b>34</b>
1. Tiêu thụ điện năng: .....	34
2. Tiêu thụ nước: .....	34
3. Chính sách với người lao động: .....	34
<b>G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021 .....</b>	<b>35</b>

**Danh mục từ viết tắt**

AMECC	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC
BKS	Ban kiểm soát
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
HĐQT	Hội đồng quản trị
KH	Kế hoạch
MTV	Một thành viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TH	Thực hiện
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TV	Thành viên

## A1. PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC,

Năm 2021 đi qua, đánh dấu nhiều bất ổn chưa từng có với kinh tế thế giới và Việt Nam. Đại dịch Covid-19 lan rộng tại nhiều nước trên thế giới là một cú sốc lớn, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu. Các xung đột thương mại giữa các nước, các khu vực, thiên tai, dịch bệnh đã liên tiếp tác động tới Việt Nam

Nhìn chung, các doanh nghiệp trong ngành cơ khí đều đối mặt với không ít những thách thức tiêu biểu như đứt gãy chuỗi cung ứng trong kinh doanh, khó khăn trong tiếp cận khách hàng mới, hạn chế triển khai được kế hoạch và đảm bảo an toàn nơi làm việc trong năm vừa qua. Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này nhưng sự chủ động thích nghi với khó khăn và sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo Công ty đã giúp hoạt động kinh doanh gần hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao cho trong một năm đầy sóng gió. Doanh thu thuần năm 2021 đạt hơn 2.678 tỷ đồng đạt 89%. Lợi nhuận sau thuế đạt 39,72 tỷ đồng, đạt 85% so với năm 2020

Trong năm 2022, ngành cơ khí Việt Nam được dự báo là sẽ có nhiều chuyển biến tích cực. Việc Việt Nam tham gia hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và dòng dịch chuyển đầu tư toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ sẽ mang lại những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong ngành. Tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2021, ngăn chặn dịch bệnh tốt đã làm nền tảng thúc đẩy kinh tế phát triển. Đây là điểm mạnh để thu hút đầu tư nước ngoài, tạo cơ hội cho các cơ sở sản xuất, công ty trong nước. Hơn nữa, để hỗ trợ doanh nghiệp cơ khí, trong năm 2022 và những năm tới, Bộ Công Thương tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của hai Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Bắc và miền Nam. Hiện nay, hai Trung tâm này đã có các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp cơ khí tại một số địa phương trên cả nước như hỗ trợ đào tạo hệ thống quản trị sản xuất, hệ thống quản lý kinh doanh, nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hi vọng trong những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá này từ quý vị.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
  
Nguyễn Văn Nghĩa

## 2. Một số chỉ tiêu chính

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã kiểm toán

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	2021	2020
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.677.987.829.210	2.982.562.532.161
Giá vốn hàng bán	2.480.951.417.936	2.790.179.365.413
Lợi nhuận trước thuế	50.611.649.523	59.427.127.263
Lợi nhuận sau thuế	39.727.195.075	46.777.054.773
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
Tổng tài sản	2.166.253.235.505	2.383.344.277.521
Vốn chủ sở hữu	467.722.458.591	454.254.132.754
Nợ phải trả	1.698.530.776.914	1.929.090.144.767
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>		
ROE	8,50 %	10,68%
ROA	1,83%	2,09%

## 3. Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

### ❖ Tâm nhìn

AMECC mong muốn trở thành Tập đoàn lớn mạnh hàng đầu Việt Nam, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam trong thế kỷ 21.

### ❖ Sứ mệnh

AMECC mang lại sự Thịnh vượng và Niềm tin cho Khách hàng cũng như Nhà đầu tư, không ngừng phát triển và gia tăng Giá trị cuộc sống cho người lao động và toàn xã hội


### ❖ Giá trị cốt lõi

Tại AMECC, mục đích tối thượng là thúc đẩy và định hướng các cá nhân và tổ chức nhận ra tiềm năng của chính họ thông qua môi trường làm việc năng động, đoàn kết và phương pháp làm việc mang tính tương tác cao.

## A2. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin chung

#### ❖ Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC
Tên viết tắt	AMECC JSC.
Tên tiếng anh	AMECC MECHANICAL JOINTSTOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0200786983
Vốn điều lệ	366.298.650.000 đồng
Địa chỉ	Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	0225.3922786
Số fax	0225.3922783
Website	www.amecc.com.vn
Mã cổ phiếu	AMS
Logo	
Slogan	Cùng xây ngày mai

#### ❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 01/02/2008: Công ty chính thức được thành lập với tên giao dịch: Công ty cổ phần LISEMCO 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008. Công ty thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngày 25/04/2016: Công ty cổ phần LISEMCO 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC (AMECC JSC). AMECC JSC hiện có 3 nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với tổng diện tích 240.000m<sup>2</sup> và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm.

- Năm 2014, AMECC JSC liên kết với các nhà đầu tư thành lập Công ty cổ phần mạ kẽm AMECC chuyên mạ kẽm nhúng nóng, với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cho ra những sản phẩm mà có độ bền cao, với chiều dày lớp mạ lên đến 150 $\mu$ m.

- Năm 2016, AMECC JSC thành lập Công ty cổ phần thương mại AMECC chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Năm 2018, AMECC JSC thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật AMECC Miền Nam thực hiện chiến lược mở rộng thị trường phía Nam với ngành nghề kinh doanh chính gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Hợp tác với các đối tác lớn như Samsung, Hyundai thực hiện các dự án EPC tại khu vực Miền Nam.

Dự thảo báo cáo thường niên AMS

- Hiện nay, AMECC JSC đang đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, xây dựng mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn. AMECC JSC đang triển khai tham gia một số Dự án đầu tư tại thị trường Myanmar.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2513	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực
3314	Sửa chữa thiết bị điện
4311	Phá dỡ
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4940	Vận tải đường ống
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
7710	Cho thuê xe có động cơ
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
4312	Chuẩn bị mặt bằng
2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
<b>2592 (Chính)</b>	<b>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại</b>
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng
2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp



Dự thảo báo cáo thường niên AMS

4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy

❖ **Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính**

- **Tư vấn-thiết kế**

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...

Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: Autocad, Tekla, CP Manager, Autonet, các phần mềm pha cắt...

- **Gia công chế tạo**

Kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, các loại nhà thép tiền chế, cột thép, ống công nghệ hạ áp và cao áp, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, công ten nơ...

- **Cung cấp**

Các sản phẩm mạ kẽm, kèm phi hợp kim, vật liệu bọc lót chống mài mòn.

Các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...)

- **Dịch vụ vận chuyển**

Với đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc vận chuyển đường dài, được trang bị các loại xe trọng tải lớn, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhanh, kịp thời, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo nhu cầu của khách hàng.

- **Xây lắp**

Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng...

- **Sửa chữa, bảo dưỡng**

Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện, xi măng, lọc dầu, hóa chất và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

❖ **Địa bàn kinh doanh:**

Công ty có các dự án, công trình lớn trải khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam tại Việt Nam cũng như ở nước ngoài:

- Dự án Long Sơn - Sam Sung, Hyundai, Thiết kế, xây dựng và cung cấp thiết bị đồng bộ nhà Hangar (EPC)
- Dự án Hangar số 3 tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
- Dự án điện năng lượng mặt trời Phước Thái 1 - Ninh Thuận

- Dự án Nhà máy xử lý nước Thăng Long
- Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ ure nóng chảy Cà Mau
- Công trình dự án phát điện Nhà máy thép liên hợp Dung Quất Hòa Phát – Hà Tĩnh
- Dự án Nhiệt điện Uông Bí.
- Dự án BHI - Hàn Quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ **Mô hình quản trị**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu); tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

• **Hội đồng quản trị**

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu); tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

• **Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định khác có liên quan và Điều lệ của Công ty:

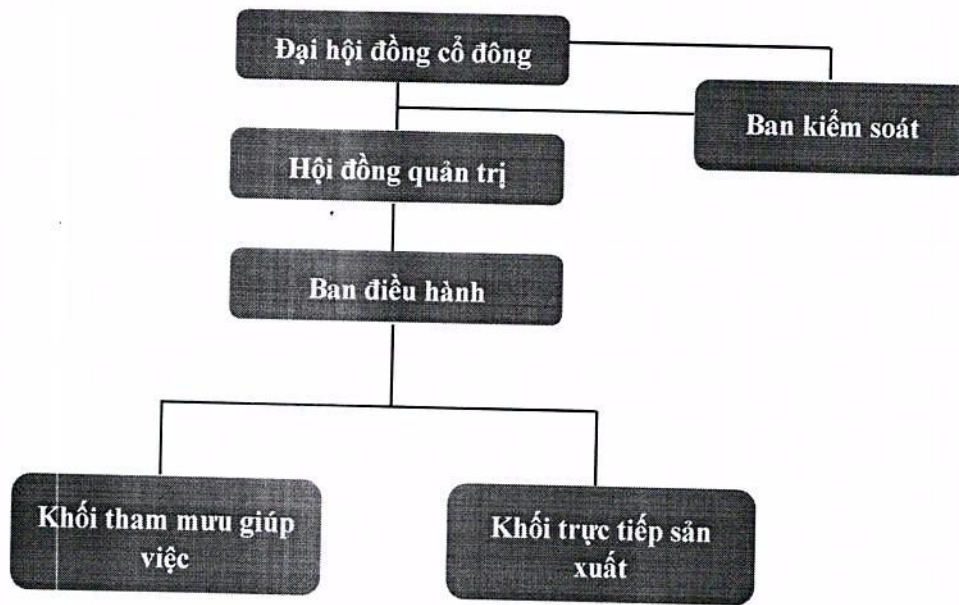
+ **Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:**

- \* Đại hội đồng cổ đông
- \* Hội đồng quản trị
- \* Ban kiểm soát
- \* Ban điều hành

Dự thảo báo cáo thường niên AMS

\* Khối tham mưu giúp việc: Có 9 phòng, ban chức năng, gồm các phòng Hành chính Nhân sự; Tài chính kế toán; Mua hàng và Logistics; Quản lý dự án; An toàn và QLTB; Quản lý chất phát triển công nghệ; Quản lý chất lượng và Ban kinh doanh thương mại; Trung tâm tư vấn thiết kế, Ban đấu thầu.

\* Khối trực tiếp sản xuất: Tổ chức các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm 03 Nhà máy; 03 Chi nhánh và các Đội sản xuất. (Cụ thể tại file pdf đính kèm).



\* Các công ty con và công ty liên kết

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của AMS
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty TNHH AMECC MYANMAR	Nhà số (B/7/A), Hanthar Yeik Moon, Thị trấn Kamayut, Yangon, Myanma	Theo hoạt động ủy quyền của Công ty mẹ	500.000 USD (tương đương 11.365.000.000 đồng)	100%
2	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng các loại; Gia công cơ khí, chế tạo thiết bị và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép	41.999 tỷ đồng	23,50%

Dự thảo báo cáo thường niên AMS

3	CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT AMECC MIỀN NAM	Tầng 3 tòa nhà Hodeco, số 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, TP Vũng Tàu	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	10 tỷ đồng	18,84%
---	---	---	--	------------	--------

4. Giới thiệu Ban lãnh đạo

❖ Giới thiệu HĐQT

**Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	24/03/1963
Nơi sinh	Cao Xá - Lâm Thao - Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Số CMND	130149322
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu	12,31%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Nguyễn Văn Thọ - Thành viên HĐQT, TGD Công ty**

Ngày tháng năm sinh	20/07/1975
Nơi sinh	Tân Thọ, Nông Cống, Thanh hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	13,98 %
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Kikugawa Tetsuya - Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	07/10/1966
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Miyota Yukio – Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	07/01/1971
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Địa chỉ thường trú	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân thiết kế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	28/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,28 %
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Trần Ngọc Dương - Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	24/08/1972
Nơi sinh	Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,50%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Đinh Ngọc Thắng - Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	21/10/1967
Nơi sinh	Đông Lĩnh ,Đông Sơn ,Thanh Hoá
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,37%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Người đại diện phần vốn góp CTCP Vận tải biển quốc tế VISC

❖ Giới thiệu BKS

**Ông Nguyễn Hữu Phong - Trưởng Ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	01/01/1964
Nơi sinh	Gia Khánh, Gia Lộc, Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,74%

**Ông Fujiwara Norimasa - Thành viên Ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	07/08/1958
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0

**Ông Nguyễn Đức Thành - Thành viên Ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	12/09/1980
Nơi sinh	An Lão, Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

5. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát huy tối đa lợi thế, năng lực ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Với mục tiêu là vai trò tổng thầu EPC, thực hiện gia công chế tạo kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng, xi măng, hóa chất, khí hóa dầu.
- Tăng cường công tác Marketing, đấu thầu tìm việc làm ổn định cho người lao động, thúc đẩy hợp tác với các đối tác sẵn có, liên doanh, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, kỹ thuật, kỹ sư quản lý dự án, kỹ sư quản lý chất lượng, thợ hàn kỹ thuật cao, thợ lắp đặt để nâng cao giá trị năng lực, thương hiệu, cũng như công suất gia công chế tạo và lắp đặt đáp ứng thi công các dự án lớn.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác đổi mới tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị công ty.

- Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

**Chiến lược về SXKD**

- Duy trì ngành nghề kinh doanh chính và phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu và lắp đặt cao hơn để có điều kiện tăng lợi nhuận. Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trong và ngoài nước để tham gia làm thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án lớn trong nước và ngoài nước.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu gồm máy móc, thiết bị, đáp ứng các ngành nghề cung cấp chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án có quy mô lớn, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất đã đầu tư hoàn thành. Duy trì và tăng cường hệ thống quản lý ISO, ASME, 5S... và các phần mềm quản lý khác.

**Chiến lược về vốn**

- Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trong dài hạn, ổn định là mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Thúc đẩy tăng trưởng nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thương mại để có nguồn thu thường xuyên, ổn định, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn.

- Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn hiệu quả. Tái cơ cấu nợ bằng phương thức thay các khoản vay ngắn hạn lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn lãi suất hợp lý. Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như chính sách phù hợp đối với người lao động nhằm tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.

**Hệ thống quản trị**

- Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

- Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra nước ngoài, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu giữa mối quan hệ với các đối tác hiện có và tiếp cận khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mỗi thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

- Tăng cường cải tiến hệ thống quản lý cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hiện tại cổ phiếu của công ty đã lưu ký trên sàn UPCoM và sẽ cân nhắc thời điểm thích hợp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

**Nguồn nhân lực**

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để đáp ứng cho việc thực hiện ngành kinh doanh chính trên cơ sở kế hoạch phát triển quy mô sản xuất và doanh thu.

- Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp và giảm chi phí gián tiếp.

- Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa, đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.

- Tăng cường xây dựng kỹ năng làm việc, tác phong công nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cho CBCNV; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

## Các mục tiêu phát triển đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo nên môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho Công ty, cộng đồng và xã hội.

### 6. Các rủi ro

Diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid-19 có thể gây ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành cơ khí nói riêng. Ngành cơ khí hiện vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và phục hồi khá chậm. Chính sách bảo hộ với ngành cơ khí còn nhiều yếu tố hạn chế, đối với các dự án lớn sự cạnh tranh khốc liệt giữa nhà thầu nước ngoài với nhà thầu trong nước. Do vậy các Doanh nghiệp vừa và nhỏ nói chung và tình hình SXKD của Công ty nói riêng ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

Việc rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện: khách quan và chủ quan.

#### ❖ Rủi ro đối với lĩnh vực kinh doanh

**Khách quan:** Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

- Rủi ro từ chính sách,
- Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng.

**Chủ quan:** Là những rủi ro nảy sinh từ trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn;

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành;
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán;
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư;
- Rủi ro trong đấu thầu;
- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

#### ❖ Đánh giá và ứng phó với các rủi ro

Sự rủi ro có thể tồn tại song song với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội. Công ty có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát.
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ.
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ.
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

## B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### ❖ Thông tin ngành

Năm 2021, do tác động của dịch COVID-19, rất nhiều doanh nghiệp trong ngành cơ khí có doanh thu sụt giảm mạnh, đặc biệt là trong quý I, quý IV năm 2021, thời điểm đầu bùng phát dịch bệnh. Hầu như các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng mạnh cả về trực tiếp và gián tiếp. Việc đứt gãy nguồn cung nguyên vật liệu trong một giai đoạn như vậy đã kéo theo sự sụt giảm doanh thu của các doanh nghiệp trong ngành. Trang thiết bị máy móc đã được đầu tư trước đó nhưng không thể đưa vào khai thác, sản xuất hết công suất. Theo báo cáo từ Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam



Dự thảo báo cáo thường niên AMS

(VASI), năm 2021, do tác động của dịch bệnh, trên 50% số doanh nghiệp thuộc hiệp hội có doanh thu sụt giảm mạnh.

Tuy nhiên, bằng các giải pháp của mình, nhiều doanh nghiệp đã linh hoạt trong sản xuất, sắp xếp lại bộ máy quản lý; từ đó, vẫn có được những đơn hàng, vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của dịch bệnh. Đặc biệt, việc đứt gãy nguồn cung buộc các công ty cơ khí kết hợp với các doanh nghiệp trong nước để tìm kiếm thêm nguyên liệu, cơ hội xuất khẩu. Đây là điểm tích cực mà dịch bệnh gián tiếp mang lại cho cộng đồng doanh nghiệp trong nước. Trong khó khăn dịch bệnh, nhiều ngành nghề đã gặp thua lỗ lớn hoặc buộc phải đóng cửa. Nhưng cũng từ đây, cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành cơ khí đã xuất hiện.

Trong bối cảnh thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngành cơ khí Việt Nam có rất nhiều tiềm năng phát triển. Làn sóng chuyển dịch các nhà máy từ Trung Quốc sang các nước lân cận, trong đó có Việt Nam, cùng việc tích cực tham gia các hiệp định FTA được nhận định sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển cho ngành cơ khí Việt Nam năm 2022.

❖ Kết quả sản xuất kinh doanh riêng lẻ so với kế hoạch

*Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch*

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	TH năm 2021	TH 2021/KH 2021 (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	2.550	2.334,60	91,60%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60	39,54	65,90 %

Do những khó khăn trên thị trường kinh tế nói chung và ngành cơ khí nói riêng, doanh thu công ty mới đạt được 91,6 % so với kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2021. Doanh thu Lợi nhuận sau thuế đạt 39,72 tỷ đồng, đạt 68% so với kế hoạch.

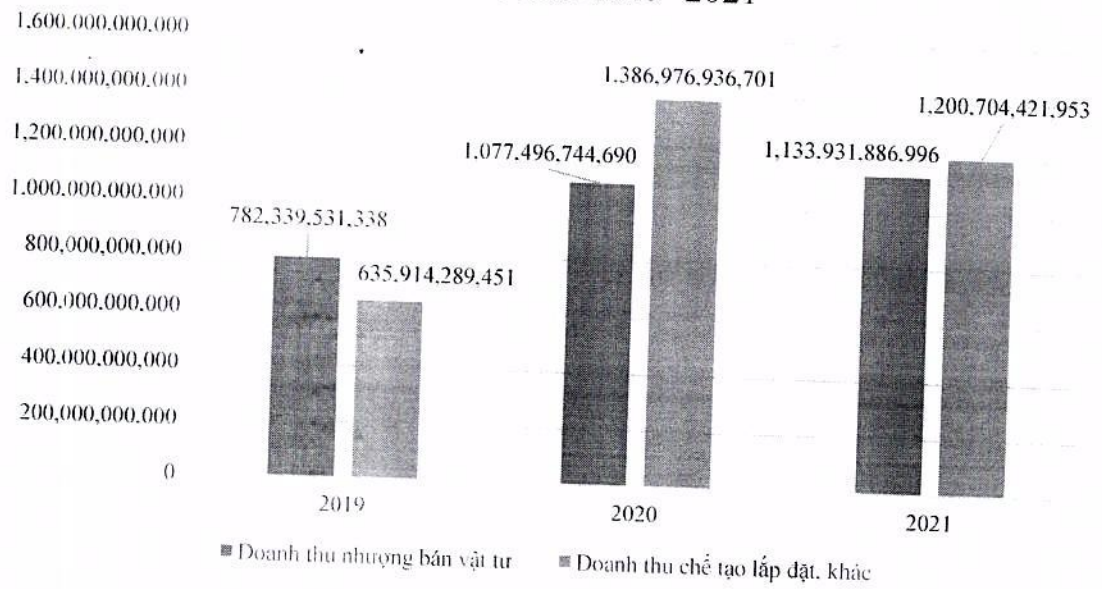
❖ Kết quả kinh doanh

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2021 đã kiểm toán*

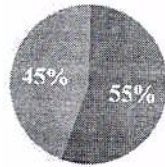
Chỉ tiêu	2021 (VNĐ)	2020 (VNĐ)	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.677.987.829.210	2.982.562.532.161	89,8 %
Giá vốn hàng bán	2.480.951.417.936	2.790.179.365.413	88,9 %
Lợi nhuận trước thuế	50.611.649.523	59.427.127.263	85 %
Lợi nhuận sau thuế	39.727.195.075	46.777.054.773	85 %

Doanh thu và lợi nhuận của AMECC năm 2021 chỉ đạt lần lượt là 89,8% và 84,93 % so với nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Doanh thu năm 2019 -2021

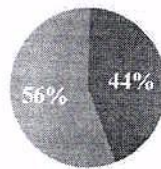


2019



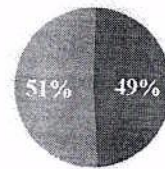
■ Doanh thu nhượng bán vật tư  
■ Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác

2020



■ Doanh thu nhượng bán vật tư  
■ Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác

2021



■ Doanh thu nhượng bán vật tư  
■ Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác

Trong năm 2021, doanh thu từ chế tạo lắp đặt, khác đạt 1.200,70 tỷ giảm 13.4% so với năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng giám đốc Công ty (thông tin đã nêu trên)

**Ông Lê Minh Tuấn – Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	28/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,28 %
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	26/01/1981
Nơi sinh	Xóm Làng Phan, Xã Linh Sơn, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,9%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

**Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh -Trưởng phòng TCKT**

Ngày tháng năm sinh	08/01/1976
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

❖ Nhân sự và chính sách nhân sự

- Số lượng: 680 lao động
- Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	199	29,26%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	25	6,67 %
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	195	26,67 %
4	Lao động phổ thông	261	38,40 %
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động trực tiếp	530	77,95%
2	Lao động gián tiếp	150	22,05%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	599	88,08%
2	Nữ	81	11,92 %
<b>IV</b>	<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	318	46,76%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	219	32,20%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	143	21,04%
<b>V</b>	<b>Theo cấp quản lý</b>		
1	Quản lý cấp cao	8	1,18%
2	Quản lý cấp trung	23	3,38%
3	Quản lý cấp chi nhánh	5	0,74%
4	Chuyên viên, nhân viên	644	94,70 %
<b>VI</b>	<b>Theo độ tuổi</b>		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	68	10,00 %
2	Từ 26 đến 35 tuổi	236	34,70 %
3	Từ 36 đến 45 tuổi	212	31,17 %
4	Trên 45	164	24,13 %
<b>Tổng số lao động</b>		<b>680</b>	<b>100</b>

- Chính sách đối với người lao động:

**Về tiền lương:** Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tính chất và hiệu quả công việc mức lương bình quân thu nhập trên 14,2 triệu đồng/1 người/1 tháng. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với CBCNV gián tiếp, nghiệp vụ chuyên môn hưởng lương theo mức quy định chức danh và hệ số hàng tháng. Hệ số căn cứ vào công việc, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng hình thức trả lương theo nguyên tắc 3P, xây dựng KPI cho từng cá nhân, nhằm đảm bảo công bằng và hợp lý để khuyến khích người lao động phấn đấu và hăng say trong công tác.

**Công tác đào tạo:** Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp tập huấn về quản trị công ty, quản trị nhân sự, tài chính và quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng phần mềm quản lý

## Dự thảo báo cáo thường niên AMS

trong quá trình SXKD. Hàng năm công ty thường xuyên mở các khóa tập huấn về chuyên môn, đào tạo tại chỗ cho các công nhân lành nghề được cấp chứng chỉ như: Chứng chỉ 3G, 4G, 6G...Thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty. Mở lớp đào tạo ngoại ngữ cho CBCNV.

**Về chính sách khen thưởng:** Để khuyến khích người lao động, hàng năm Công ty tổ chức phong trào thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của công ty.

**Công tác đời sống, quyền lợi đối với người lao động:** Công ty luôn quan tâm đảm bảo việc làm cho người lao động làm việc và thu nhập tương xứng với kết quả lao động, trả lương kịp thời và hỗ trợ 100% chi phí ăn trưa, ăn tối phục vụ CBCNV đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức cho người lao động đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khó khăn kịp thời và đúng đối tượng cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty phát động gây dựng Quỹ tình thương, đảm bảo kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng theo quy chế mà Công ty đã quy định.

**Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước như:** Chế độ BHXH, BHYT cho 100% người lao động được hưởng chế độ, mua bảo hiểm thân thể, hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động và khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV.

### 3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

#### ❖ Dự án mới đầu tư trong năm

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án:	Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư phát triển kinh doanh
4	Mục tiêu đầu tư	Tăng công suất nhà máy, thiết bị
5	Quy mô dự án	Nhóm C
6	Địa điểm thực hiện dự án	Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
7	Tổng giá trị đầu tư đã hình thành tài sản trong năm	62,5 tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	12 tháng

- ❖ Các dự án lớn đã thực hiện năm 2021
- ❖ Hợp đồng với BHI gia công chế tạo Casing, Duct, Stack, Steel Structure cho dự án Fujairad, với giá trị 173 tỷ VNĐ;
- ❖ Hợp đồng với Ashe Energy Development Co., Ltd gia công chế tạo KCT cho dự án điện mặt trời Junior, với giá trị 151 tỷ VNĐ;
- ❖ Hợp đồng với Samsung Engineering Co., LTD gia công chế tạo 13 Module cho dự án Sarawak, với giá trị 322 tỷ VNĐ;

❖ Hợp đồng với VOGT Power gia công chế tạo kết cấu lò thu hồi nhiệt cho dự án Batangas, với giá trị 160 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài chính

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn				
2	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1,03	1,02	
3	Hệ số thanh toán nhanh				
4	TSNH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,50	0,45	
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	80,94	78,41	
2	Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	4,25	3,63	
<b>C</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
1	Vòng quay hàng tồn kho (ĐT/HTKBQ)	Vòng	3,42	3,03	
2	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	3,20	2,81	
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	125,14	123,62	
<b>D</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,57	1,48	
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	10,30	8,49	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021

- Từ bảng dữ liệu trên cho thấy: Hoạt động SXKD năm 2021 tương đối tốt, năng lực tài chính ổn định.
- Hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,02 như vậy tài sản ngắn hạn của công ty đủ để đáp ứng khả năng trả nợ ngắn hạn của Công ty, do vậy tình hình tài chính của Công ty an toàn và đảm bảo khả năng thanh toán vào thời điểm hiện tại.
- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty là 0,45.
- Về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty nhất là 0,78 lần; Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu = 3,63 lần.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho là 3,03 vòng, tương đương 120 ngày,

- điều đó cho thấy lượng hàng hóa tồn kho được luân chuyển thường xuyên.
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản: Chỉ tiêu này phản ánh, năm 2021 sử dụng bình quân 100 đồng tài sản tham gia vào quá trình kinh doanh đã tạo ra 123,62 đồng doanh thu thuần đem lại được hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao trong quá trình hoạt động.
  - Hệ số khả năng sinh lời: Nhìn chung chỉ tiêu này, năm 2021 cứ 100 đồng doanh thu thuần năm 2021 đã thu được 1,48 đồng lợi nhuận sau thuế, Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu tăng năm 2021 chỉ tiêu này là 8,49 %; Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2021 chỉ tiêu này là 2,29 % và lãi cơ bản trên cổ phiếu là 1.028 đồng/cổ phiếu

5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

❖ **Cổ phần**

Tính đến hết ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã phát hành **36.629.865** cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần phổ thông: **36.629.865** cổ phiếu

Số cổ phần ưu đãi: **0** cổ phiếu

Số cổ phần đang lưu hành: **36.629.865** cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: **0** cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: **10.000** đồng/ cổ phiếu

❖ **Cơ cấu cổ đông**

❖ **Bảng 5. Cơ cấu cổ đông Công ty năm 2021**

Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Số tiền tương ứng (đồng)	Tỷ lệ/VLĐ (%)
Cổ đông lớn	20.632.479	206.324.790.000	56,33%
Cổ đông nhỏ	15.997.386	159.973.860.000	43,67%
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.629.865</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông tổ chức	11.807.170	118.071.700.000	32,23%
- Trong nước	165.001	1.650.010.000	
- Nước ngoài	11.642.169	116.421.690.000	
Cổ đông cá nhân	24.822.695	248.226.950.000	67,77%
- Trong nước	24.566.580	245.665.800.000	
- Nước ngoài	256.115	2.561.150.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.629.865</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100%</b>
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>24.731.581</b>	<b>247.315.810.000</b>	<b>67,52%</b>
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>11.898.284</b>	<b>118.982.840.000</b>	<b>32,48%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.629.865</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100%</b>
<b>Cổ đông nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>Cổ đông khác</b>	<b>36.629.865</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.629.865</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100%</b>

AMS không có cổ đông nhà nước.

❖ **Danh sách cổ đông lớn**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/05/2021

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Nguyễn Văn Nghĩa	4.510.000	12,31%
2	Nguyễn Văn Thọ	5.122.479	13,98 %
3	SANKYU INC.	11.000.000	30,03%
	<b>Tổng</b>	<b>20.632.479</b>	<b>56.32%</b>

❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- **Đợt tăng vốn trong năm: Không**

- **Lịch sử tăng vốn**

Tăng vốn lần 1 (10/2010): Từ 50 lên 60 tỷ đồng

Tăng vốn lần 2 (09/2012): Từ 60 lên 70 tỷ đồng

Tăng vốn lần 3 (10/2015): Từ 70 lên 120 tỷ đồng

Tăng vốn lần 4 (11/2016): Từ 120 lên 150 tỷ đồng

Tăng vốn lần 5 (04/2018): Từ 150 lên 200 tỷ đồng

Tăng vốn lần 6 (12/2018): Từ 200 lên 300 tỷ đồng

Tăng vốn lần 7 (12/2019): Từ 300 lên 333 tỷ đồng

Tăng vốn lần 8 (12/2020): Từ 333 lên 366.298.650.000 đồng.

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

**C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021**

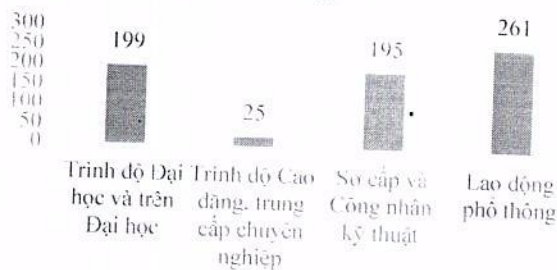
❖ **Tình hình tăng vốn chủ sở hữu :Không**

❖ **Đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị**

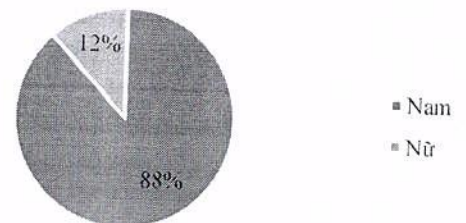
Trong năm 2021 , tổng số tiền đã chi mua sắm máy móc thiết bị của Công ty là 62,571 tỷ đồng, trong đó đầu tư chủ yếu vào máy móc thiết bị (mua mới, thuê tài chính và đầu tư tài sản cố định vô hình).

❖ **Nhân sự**

Cơ cấu nhân sự theo trình độ lao động

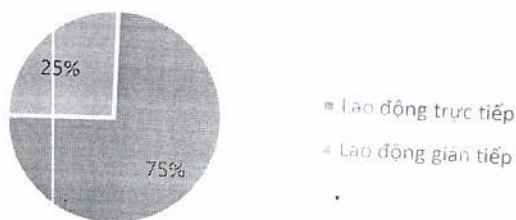


Cơ cấu nhân sự theo giới tính

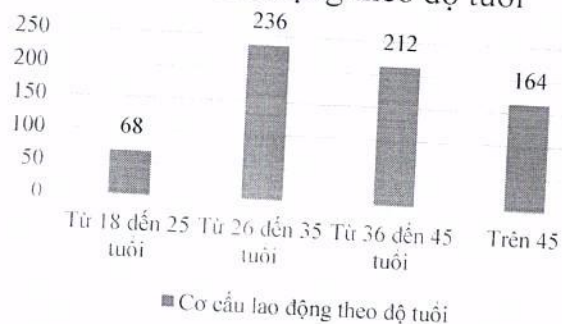




Cơ cấu nhân sự theo đối tượng lao động



Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Do đặc thù của ngành cơ khí, lao động có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật, lao động trực tiếp và giới tính nam chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhân sự. Công ty luôn hướng đến một môi trường vì người lao động, ngày càng tập trung vào khâu đào tạo, tuyển dụng nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng lao động, gia tăng bình đẳng giới của doanh nghiệp.

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển không ngừng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên là một trong những thế mạnh đưa doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, công tác đào tạo ở Amecc chưa theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong năm 2021, tổng cộng có 68 khóa đào tạo nội bộ và 10 khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 48 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế và 20 khóa cho phòng hành chính nhân sự, phòng công nghệ, phòng quản lý chất lượng, phòng an toàn và quản lý máy và phòng tài chính kế toán. Trong khi đó, tại thời điểm hiện tại trung tâm tư vấn thiết kế vẫn còn sử dụng các đối tác bên ngoài để thực hiện một phần việc thiết kế và đội ngũ nhân viên của phòng chưa khai thác được mảng sản phẩm cơ bản đòi hỏi tốc độ cao cũng như chưa theo kịp tiến độ dự án.

Ngoài ra, xét về cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, các phòng ban còn nhiều vị trí cần bổ sung. Doanh nghiệp hiện tại chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ kế cận cho các vị trí chủ chốt. Các hệ thống quản lý và quy trình sản xuất kinh doanh của Amecc năm 2021 vẫn còn nhiều bất cập, cần phải được chỉnh lý trong năm 2021 để cải thiện bộ máy hoạt động sản xuất của toàn doanh nghiệp.

❖ **Thực trạng đầu tư kinh doanh tại Myanmar**

Khoản góp vốn đầu tư ghi nhận theo xác nhận vốn đầu tư của Công ty liên doanh Amecc – Myanmar Shipyard. Tính đến 31/12/2021, số vốn đã thực tế góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 đồng trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 15%. Thời hạn góp vốn theo chấp thuận là 22/06/2021.

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư cho ông Nguyễn Văn Nghĩa theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN – AMECC ngày 15/05/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng. Việc chuyển nhượng đang được tiến hành nhưng chậm hơn so với kế hoạch do dịch bệnh và bất ổn chính trị tại Myanmar.

Đối với công ty TNHH AMECC Myanmar, tổng vốn điều lệ của công ty trong năm 2021 không thay đổi. Tính tới 31/12/2021, doanh thu đạt được là 892.534 USD và mức lợi nhuận đạt được là 12.089 USD. Công ty vẫn trong trạng thái hoạt động bình thường trong suốt năm 2021.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (tỷ đồng)	Năm 2020 (tỷ đồng)	Tăng giảm (%)
1.	Giá trị sản lượng	3.024	3.352	90,21 %
2.	Doanh thu	2.678	2.982,0	89,8 %
3.	Lợi nhuận sau thuế	39,73	46,7	84,89 %
4.	Thuế TNDN phải nộp	10,83	12,6	85,95 %
5.	Tổng tài sản	2.166,2	2.383,0	90,89 %
6.	Vốn chủ sở hữu	467,7	454,0	102,97%

Trong năm 2021, Do đại dịch COVID 19 diễn ra trên toàn cầu ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến Việt Nam nói chung và AMECC nói riêng. Sự cạnh tranh thị trường trong các ngành sản xuất, thị trường việc làm thiếu hụt. Mặc dù Ban điều hành công ty đã rất cố gắng nhưng các chỉ tiêu đều chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ giao phó.

## 3. Tình hình tài chính

### 3.1 Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2021		2020		Tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	1.460.461.492.864	67,42 %	1.864.415.274.243	78,23%	78,30%
B. Tài sản dài hạn	705.791.742.821	32,58%	518.929.003.278	21,77%	136,01%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.166.253.235.505</b>	<b>100%</b>	<b>2.383.344.277.521</b>	<b>100%</b>	<b>90,10%</b>

Năm 2021, tài sản ngắn hạn giảm gần 21,67 % chủ yếu là do giảm công nợ phải thu và giảm hàng hoá tồn kho so với năm 2020. Tài sản dài hạn tăng 36,01 % là do đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ cho HĐSX kinh doanh của công ty.

### 3.2 Tình hình nợ phải trả

Nguồn: BCTC hợp nhất 2021 đã kiểm toán

Chỉ tiêu	2021		2020		Tỷ trọng
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	1.432.464.016.197	84,34%	1.808.533.869.968	93,75%	79,2%
B. Nợ dài hạn	266.066.760.717	15,66%	120.556.274.799	6,25%	220,7%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.698.530.776.914</b>	<b>100%</b>	<b>1.929.090.144.767</b>	<b>100%</b>	<b>88 %</b>

Năm 2021, nợ ngắn hạn của công ty giảm 20,8 %, chủ yếu là do các khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn giảm từ 477 tỷ xuống còn 415 tỷ đồng và Phải trả ngắn hạn khác giảm từ 444,9 tỷ xuống 71,9 tỷ đồng.

Nợ dài hạn tăng 120% là do nợ phải trả dài hạn của Doanh nghiệp tăng từ 120 tỷ lên 266 tỷ đồng do chuyển khoản tiền vay thành chuyển nhượng đầu tư đang thực hiện.

#### 4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển không ngừng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên là một trong những thế mạnh đưa doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, công tác đào tạo ở Amecc chưa theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong năm 2021, tổng cộng có 68 khóa đào tạo nội bộ và 10 khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 48 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế và 20 khóa cho phòng hành chính nhân sự, phòng công nghệ, phòng quản lý chất lượng, phòng an toàn và quản lý máy và phòng tài chính kế toán. Trong khi đó, tại thời điểm hiện tại trung tâm tư vấn thiết kế vẫn còn sử dụng các đối tác bên ngoài để thực hiện một phần việc thiết kế và đội ngũ nhân viên của phòng chưa khai thác được mảng sản phẩm cơ bản đòi hỏi tốc độ cao cũng như chưa theo kịp tiến độ dự án.

Ngoài ra, xét về cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, các phòng ban còn nhiều vị trí cần bổ sung. Doanh nghiệp hiện tại chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ kế cận cho các vị trí chủ chốt. Các hệ thống quản lý và quy trình sản xuất kinh doanh của Amecc năm 2021 vẫn còn nhiều bất cập, cần phải được chỉnh lý trong năm 2022 để cải thiện bộ máy hoạt động sản xuất của toàn doanh nghiệp.

#### 5. Phương hướng phát triển

Trong năm 2022, kế hoạch của AMECC định hướng như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.600
2	Gia công chế tạo và xây lắp	Tỷ đồng	1.750
3	Thương mại	Tỷ đồng	850

Kế hoạch doanh thu gia công chế tạo 1.750 tỷ đồng đề cập ở trên là dựa trên cơ sở chuyển một phần doanh thu năm 2021 sang 2022 (450 tỷ đồng) và mục tiêu tìm kiếm thêm 1.300 tỷ đồng từ các dự án sẽ ký trong năm 2022.

Theo mục tiêu kế hoạch doanh thu, mức lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2022 sẽ là từ 95 tỷ đồng phụ thuộc vào việc cắt giảm chi phí vật liệu và chi phí lãi vay. Khi tiến hành báo giá các dự án, mức lợi nhuận tối thiểu yêu cầu là 5% đối với các dự án mới và 10-15% đối với các dự án đã có kinh nghiệm.

Sản lượng dự kiến trong năm 2022 sẽ là 3.000 tỷ đồng. Để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp đã xác định các định hướng như sau:

#### ❖ Đẩy mạnh phát triển doanh thu

- Chuẩn bị nguồn nhân lực để tham gia các dự án ở nước ngoài
- Thành lập tổ đấu thầu ngoài công trường để khai thác thêm mảng bảo dưỡng và sửa chữa cho các công trình nhà máy lớn
- Tiếp cận các dự án điện gió và năng lượng điện

❖ **Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận**

- Mục tiêu trong năm 2022, Amecc sẽ đàm phán với các đối tác để xây dựng hệ thống đối tác lâu dài nhằm giảm từ 3% đến 5% chi phí nguyên vật liệu so với năm 2021.
  - Phát triển đầu tư và cải tạo công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất sản xuất thông qua việc nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách
  - Giảm chi phí tài chính thông qua các giải pháp như đàm phán giảm lãi suất vay ngân hàng, yêu cầu các điều khoản thanh toán có lợi cho AMECC trong các hợp đồng kinh tế, điều chỉnh thời hạn vay theo tiến độ dự án, khai thác các công cụ tài chính và các dịch vụ tài chính đang có trên thị trường, hướng tới giảm chi lãi suất vay bình quân năm 2022 xuống còn 6% .
- Đào tạo nhân sự nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:
- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ
  - Đầu tư phát triển phòng công nghệ để nghiên cứu các giải pháp công nghệ cao nhằm tăng năng suất lao động
  - Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng – Người làm- Người kiểm tra giám sát, xây dựng hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp

❖ **Tái cơ cấu tổ chức công ty**

- Để tập trung vào công tác tổ chức quản lý của công ty AMECC, Hội đồng quản trị công ty quyết định tái cấu trúc, thoái một phần vốn tại các công ty thành viên, cụ thể như sau:
- Công ty cổ phần thương mại AMECC Weisheng từ 50,83% xuống còn 23,5%.
  - Công ty CP dịch vụ kỹ thuật AMECC Miền Nam từ 87,33% xuống còn 18,84%.
  - Công ty liên doanh AMECC-MYANMAR SHIPYARD đang thực hiện chuyển nhượng vốn.

❖ **Bổ sung vốn lưu động**

Doanh thu mục tiêu năm 2022 của công ty AMECC là 2.600 tỷ đồng với mức lợi nhuận mục tiêu là 10% cho các hợp đồng gia công chế tạo và 2% cho các hợp đồng thương mại. Do đó, dự kiến chi phí trong năm sẽ như sau:

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu (tỷ đồng)	Chi phí dự kiến (tỷ đồng)
Tổng	2.600	2.505
Gia công chế tạo	1.750	1.672
Thương mại	850	833

Đối với các hợp đồng hiện tại tại AMECC đang ký, mức tạm ứng của khách hàng sẽ là 10% giá trị hợp đồng. Theo các thỏa thuận với ngân hàng, tùy từng dự án ngân hàng sẽ tài trợ tối đa tới 70% giá trị hợp đồng. Theo đó, nhu cầu vốn tự có của doanh nghiệp sẽ là:

Chu kỳ kinh doanh hiện tại của AMECC là khoảng 3 vòng 1 năm, ước tính là chu kỳ kinh doanh thương mại là 3.5 vòng và chu kỳ kinh doanh cho mảng gia công chế tạo là 2,5 vòng. Như vậy, nhu cầu vốn lưu động theo thời điểm của doanh nghiệp sẽ là:

*Đơn vị: tỷ đồng*

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Chu kỳ kinh doanh (vòng)	Ngân hàng tài trợ	Nhu cầu vốn tự có
Tổng	2.600	2.505		1.735	176,8
Gia công chế tạo	1.750	1.672	2,5	1.225	108,8
Thương mại	850	833	3,5	510	68

## D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

### 1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế, HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2021 Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành cơ bản trên 90% các chỉ tiêu về doanh thu đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của công ty và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2022.

Dưới đây là một số các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2021 của công ty mẹ:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh
1	Doanh thu	2.550,0	2.334,6	91,5%
2	Gia công chế tạo và xây lắp	1.600,0	1.200,7	75,1%
3.	Thương mại	950,0	1.133,9	119,2%

Trên báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu thuần của AMS năm 2021 là 2.677 tỷ đồng so với 2.982 tỉ đồng năm 2020 tương ứng giảm 10,3%.

### Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng giám đốc. HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp về triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 01 buổi họp ĐHĐCĐ và 09 buổi họp Hội đồng quản trị

#### ❖ Kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2021

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2021, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.

#### ❖ Kết luận

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các cán bộ công nhân viên của Công ty

### 2. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

#### 2.1 Định hướng trung và dài hạn

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế
- Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2022.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô công ty, kinh doanh phát triển bền vững.
- Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.

**2.2 Chi tiêu kế hoạch năm sau của Công ty CP Cơ khí xây dựng AMECC**

STT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2022
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	3.000
2	Giá trị Doanh thu	Tỷ đồng	2.600
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	95
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	16
5	Tổng số lao động bình quân	Người	1.365
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	350
7	Chi trả cổ tức (%VĐL)	%	12-15%

**3. Phương hướng thực hiện**

- Đẩy mạnh phát triển doanh thu
- Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận
- Đào tạo nhân sự
- Tái cơ cấu tổ chức cho các công ty con do chính sách thuế của chính phủ thay đổi
- Bổ sung vốn lưu động.

**E. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề về tài chính, bán cổ phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần MECTA.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và 09 cuộc họp HĐQT.

## 2. Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	4.510.000	12,31%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT, TGD	5.122.479	13,98%
3	Ông Kikugawa Tetsuya	TV HĐQT	0	0
4	Ông Miyota Yukio	TV HĐQT	0	0
5	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	103.620	0,28 %
6	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	550.000	1,50%
7	Ông Đinh Ngọc Thắng	TV HĐQT	500.000	1,37%

## 3. Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	09	100%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT, TGD	09	100%
3	Ông Kikugawa	TV HĐQT	09	100%
4	Ông Miyota Yukio	TV HĐQT	09	100%
5	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT	06	70%
6	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	09	100%
7	Ông Đinh Ngọc Thắng	TV HĐQT	09	100%

## 4. Đánh giá của HĐQT trong năm 2021

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ.

HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.



## 5. Các nghị quyết của HĐQT

### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/2021/QĐ-HĐQT-AMECC	25/03/2021	Xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	100%
2.	02/2021/NQ-HĐQT-AMECC	26/04/2021	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	100%
3.	03/2021/NQ-HĐQT-AMECC	14/06/2021	Bổ sung, chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021: miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Sơn và bầu thay thế 01 thành viên HĐQT- ông Lê Minh Tuấn.	100%
4.	04/2021/NQ-HĐQT-AMECC	27/07/2021	Nghị quyết HĐQT-V/v Thoái vốn tại Công ty CP Thương mại Weisheng	100%
5.	05/2021/NQ-HĐQT-AMECC	27/07/2021	Nghị quyết HĐQT-V/v Chuyển nhượng phần vốn góp mà AMECC đã đầu tư tại Công ty liên doanh Myanmar Shipyards-AMECC	100%
6.	06/2021/NQ-HĐQT-AMECC	25/09/2021	Công ty CP cơ khí xây dựng Amecc chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty cổ	100%

			phần dịch vụ kỹ thuật AMECC Miền Nam	
7.	07/2021/QĐ-HĐQT-AMECC	30/09/2021	Về việc miễn nhiệm PTGD đối với ông Đỗ Tiến Thành	100%
8.	08/2021/NQ-HĐQT-AMECC	30/09/2021	Về việc bổ nhiệm PTGD đối với ông Lê Minh Tuấn	100%
9.	09/2021/NQ-HĐQT-AMECC	03/11/2021	Về việc miễn nhiệm KTT đối với bà Nguyễn Thị Thọ Vân	100%

6. Ban kiểm soát

7. Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS	270.050	0,74%
2	Ông Fujiwara Norimasa	TV BKS	0	0
3	Ông Nguyễn Đức Thành	TV BKS	0	0

8. Đánh giá hoạt động của BKS năm 2021

**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

**Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý**

Ban Giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2019. Ban Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

**Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

Trong năm 2021 Ban Kiểm soát đã tham dự 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

**9. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc**

**9.1 Thù lao của HĐQT, BKS**

	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN
1.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	120,000,000
2.	Ông Nguyễn Văn Thọ	91,323,000
3.	Ông Yukio Miyota	0
4.	Ông Nguyễn Sơn	42,000,000
5.	Ông Kikugawa Tetsuya	0
6.	Ông Trần Ngọc Dương	84,000,000
7.	Ông Đinh Ngọc Thắng	84,000,000
8.	Ông Lê Minh Tuấn	42,000,000

**9.2 Tiền lương và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát**

	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN
1.	Ông Nguyễn Văn Thọ	743,362,678
2.	Ông Yukio Miyota	0
3.	Ông Nguyễn Sơn	0
4.	Ông Kikugawa Tetsuya	0
5.	Ông Nguyễn Hữu Phong	369,777,293
6.	Ông Nguyễn Đức Thành	0
7.	Ông Fujiwara Norimasa	0
8.	Ông Lê Minh Tuấn	407,860,769
9.	Ông Nguyễn Văn Dũng	590,428,926
10.	Ông Đỗ Tiến Thành	164,132,020

#### 10. Tăng cường quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Nghị định 116

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

### F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

#### 1. Tiêu thụ điện năng

Đơn vị: VNĐ

	2020	2021
Khối sản xuất	5.447.253.118	5.828.560.836
Khối văn phòng	432.123.268	462.371.897

#### 2. Tiêu thụ nước

Đơn vị: VNĐ

	2019	2020
Khối sản xuất	148.247.798	160.107.622
Khối văn phòng	119.744.231	129.323.769

#### 3. Chính sách với người lao động:

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động là: 680 người

Mức lương bình quân: 14tr/người/tháng.

#### 4. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài các chế độ chính sách quy định của Nhà nước, Công ty xây dựng các nội quy, quy chế thực hiện tốt mọi chế độ cho người lao động, nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động như: Quy chế trả lương, thưởng, thăm hỏi ốm đau; Chế độ lao động độc hại, thời gian làm việc, cơ sở và điều kiện làm việc; công tác ATLD và vệ sinh công nghiệp... .

#### 5. Hoạt động đào tạo người lao động

Tăng cường hướng dẫn, đào tạo tại chỗ hoặc đào tạo ngắn hạn đội ngũ quản lý, kỹ sư kỹ thuật, các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; công nhân lành nghề đáp ứng các yêu cầu sản xuất hiện tại cũng như định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo. Tạo điều kiện cho CBCNV đi thăm quan các cơ sở trong và ngoài nước về mô hình SXKD; đào tạo ngắn hạn cho các kỹ sư về quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng các phần mềm trong quá trình SXKD của công ty.

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022. AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ
- Đầu tư phát triển phòng công nghệ để nghiên cứu các giải pháp công nghệ cao nhằm tăng năng suất lao động
- Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng – Người làm- Người kiểm tra giám sát. xây dựng hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp.

#### **G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>	06-07
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>	08
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	09-10
<b>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</b>	11-36

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	
Ông Yukio Miyota	Thành viên	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	Trước ngày 26/06/2021
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	Từ ngày 26/06/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 30/09/2021
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	Trước ngày 30/09/2021
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Từ ngày 13/12/2021
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Quyền Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Từ ngày 03/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thọ Vân	Kế toán trưởng	Trước ngày 03/11/2021

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng ban
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thọ



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 314/BCKT-TC/AVA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC, được lập ngày 24/03/2022, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Ngô Quang Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0448-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

---

**Lê Thùy Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
2879-2020-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.460.461.492.684</b>	<b>1.864.415.274.243</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>77.714.662.566</b>	<b>265.228.544.436</b>
1. Tiền	111		45.862.344.914	109.131.080.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.852.317.652	156.097.463.755
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>54.326.449.825</b>	<b>52.301.860.889</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.326.449.825	52.301.860.889
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>489.419.438.391</b>	<b>565.895.323.243</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	388.717.823.657	457.397.333.989
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81.720.751.821	53.570.644.812
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	54.894.513.291	74.154.549.232
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(35.913.650.378)	(19.473.749.919)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	246.545.129
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>812.973.753.162</b>	<b>952.080.594.629</b>
1. Hàng tồn kho	141		812.973.753.162	952.080.594.629
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.027.188.740</b>	<b>28.908.951.046</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.008.594.270	2.222.325.134
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.018.594.470	26.635.518.911
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	51.107.001
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>705.791.742.821</b>	<b>518.929.003.278</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.722.419.260</b>	<b>3.030.199.680</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.722.419.260	3.030.199.680
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>393.971.077.168</b>	<b>282.573.042.943</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	252.474.764.436	173.490.915.379
- Nguyên giá	222		433.043.435.219	329.383.474.136
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(180.568.670.783)	(155.892.558.757)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	106.830.160.059	73.246.527.127
- Nguyên giá	225		135.002.638.529	90.789.637.211
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(28.172.478.470)	(17.543.110.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	34.666.152.673	35.835.600.437
- Nguyên giá	228		47.327.076.397	47.357.076.397
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.660.923.724)	(11.521.475.960)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>92.713.117.498</b>	<b>46.104.968.117</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		92.713.117.498	46.104.968.117
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>200.834.079.495</b>	<b>170.936.794.797</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.917.834.942	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		163.643.944.405	162.543.944.405
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		26.272.300.148	8.392.850.392
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.551.049.400</b>	<b>16.283.997.741</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.894.325.858	4.535.036.570
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.656.723.542	11.748.961.171
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.166.253.235.505</b>	<b>2.383.344.277.521</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.698.530.776.914</b>	<b>1.929.090.144.767</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.432.464.016.197</b>	<b>1.808.533.869.968</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	415.351.549.543	477.777.203.029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	194.581.589.243	162.533.316.028
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	23.213.019.766	25.541.502.513
4. Phải trả người lao động	314		17.020.352.407	5.491.347.459
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	17.351.258.944	18.687.919.429
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.047.281.260	3.047.281.260
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	71.981.886.582	444.906.592.511
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	673.395.258.155	668.547.341.733
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	15.000.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.521.820.297	2.001.366.006
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>266.066.760.717</b>	<b>120.556.274.799</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	208.138.011.354	60.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	57.928.749.363	120.495.774.799
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>467.722.458.591</b>	<b>454.254.132.754</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>467.722.458.591</b>	<b>454.254.132.754</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.298.650.000	366.298.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.298.650.000	366.298.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.025.000.000)	(3.025.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.611.123.912)	905.701.285
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.297.552.322	10.601.753.236
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.762.380.181	56.746.793.122
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.935.748.311	10.728.135.626
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.826.631.870	46.018.657.496
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	22.726.235.111
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.166.253.235.505</b>	<b>2.383.344.277.521</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.677.987.829.210	2.982.562.532.161
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.677.987.829.210	2.982.562.532.161
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.480.951.417.936	2.790.179.365.413
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		197.036.411.274	192.383.166.748
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.242.940.371	9.726.638.447
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	58.924.601.726	88.988.445.004
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.808.061.587	78.843.663.959
6. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		71.479.889	(42.558.728)
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.028.398.596	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	76.627.541.874	53.263.015.823
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		56.770.289.338	59.815.785.640
10. Thu nhập khác	31	VI.6	3.182.082.810	4.240.857.443
11. Chi phí khác	32	VI.7	9.340.722.625	4.629.515.820
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.158.639.815)	(388.658.377)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		50.611.649.523	59.427.127.263
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	10.834.182.926	16.902.541.280
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		50.271.522	(4.252.468.790)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-52)	60		39.727.195.075	46.777.054.773
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		38.826.631.870	46.018.657.496
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		900.563.205	758.397.277
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.028	1.274
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.028	1.274

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hảo

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thọ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>50.611.649.523</b>	<b>59.427.127.263</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.032.689.258	34.662.646.261
- Các khoản dự phòng	03		31.439.900.459	3.865.681.145
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		783.783.015	504.032.462
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.134.843.925)	(8.157.590.342)
- Chi phí lãi vay	06		46.808.061.587	78.843.663.959
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>160.541.239.917</b>	<b>169.145.560.748</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.124.694.603	(132.762.649.015)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		71.673.932.746	(160.329.967.047)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(301.423.782.696)	226.553.480.619
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.949.490.190)	(195.963.327)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.455.194.450)	(65.879.786.178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.141.870.969)	(6.939.616.112)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(409.015.800)	(366.736.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(118.039.486.839)</b>	<b>29.224.323.688</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.571.063.884)	(68.007.230.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		348.169.800	138.960.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(112.747.916.307)	(26.377.100.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.843.877.615	81.288.562.433
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.643.342.893	5.200.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		5.316.639.884	8.336.648.320
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(87.166.949.999)</b>	<b>579.839.955</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.441.894.726.521	1.720.733.555.148
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.410.520.599.242)	(1.681.502.872.740)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13.745.480.816)	(12.796.759.812)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.977.500)	(61.352.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17.621.668.963</b>	<b>26.372.570.096</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(187.584.767.875)</b>	<b>56.176.733.739</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>265.228.544.436</b>	<b>209.090.918.463</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		70.886.005	(39.107.766)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>77.714.662.566</b>	<b>265.228.544.436</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hảo

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thọ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 366.298.650.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu tỷ hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dịch bệnh do chủng Virus Corona (Covid-19) gây ra đã và đang có những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá các ảnh hưởng của dịch bệnh đối với hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị của Công ty trong kỳ và xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

**6.1. Tổng số các công ty con**

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: Không

**6.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ/ Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Amecc Myanmar	100%	100%	Myanmar/ Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại

**6.3. Số lượng cán bộ công nhân viên**

Tại ngày 31/12/2021, Tập đoàn có 710 cán bộ nhân viên (ngày 01/01/2021: 866 cán bộ nhân viên).

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

###### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

###### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

##### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

###### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

###### Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

###### Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

**6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
  - Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.
- Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

**Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**21.1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.



Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Amecc Myanmar được chuyển đổi từ đồng Kyats sang VND.

#### **21.2. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **21.3. Bất lợi kinh doanh**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **21.4. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	296.569.674	7.437.982.186
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.565.775.240	101.693.098.495
Các khoản tương đương tiền	31.852.317.652	156.097.463.755
	<b>77.714.662.566</b>	<b>265.228.544.436</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021				01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>54.326.449.825</b>	<b>54.326.449.825</b>	<b>52.301.860.889</b>	<b>52.301.860.889</b>	<b>52.301.860.889</b>	<b>52.301.860.889</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	54.326.449.825	54.326.449.825	52.301.860.889	52.301.860.889	52.301.860.889	52.301.860.889
<b>Dài hạn</b>	<b>26.272.300.148</b>	<b>26.272.300.148</b>	<b>8.392.850.392</b>	<b>8.392.850.392</b>	<b>8.392.850.392</b>	<b>8.392.850.392</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	25.872.300.148	25.872.300.148	6.992.850.392	6.992.850.392	6.992.850.392	6.992.850.392
Trái phiếu (ii)	400.000.000	400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
	<b>80.598.749.973</b>	<b>80.598.749.973</b>	<b>60.694.711.281</b>	<b>60.694.711.281</b>	<b>60.694.711.281</b>	<b>60.694.711.281</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP trong nước, được hưởng lãi suất từ 3% đến 7% một năm. Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn nêu trên đã được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng.

(ii) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2021			01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>9.869.765.000</b>	-	-	-	-
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng (i)	9.869.765.000	-	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>163.643.944.405</b>	-	<b>162.543.944.405</b>	-	-
Công ty CP Lisemco 3	100.000.000	-	100.000.000	-	-
Công ty CP Lisemco 5	100.000.000	-	100.000.000	-	-
Công ty CP Mạ kẽm Amecc	6.920.000.000	-	6.920.000.000	-	-
Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards (ii)	155.423.944.405	-	155.423.944.405	-	-
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam (iii)	1.100.000.000	-	-	-	-
	<b>163.643.944.405</b>	-	<b>162.543.944.405</b>	-	-

(i) Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng có vốn điều lệ là 41.999.000.000 đồng. Khoản đầu tư tại 01/01/2021 có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 50,83%. Trong năm, Công ty tiến hành thoái bớt vốn đầu tư. Tại 31/12/2021, khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 23,50%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- (ii) Khoản góp vốn đầu tư ghi nhận theo xác nhận vốn đầu tư của Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards. Tính đến thời điểm 31/12/2021, số vốn đã thực tế góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 đồng trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Thời hạn góp vốn theo chấp thuận là đến 22/6/2021. Khoản đầu tư này đang được tiến hành chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021 (thời hạn thực hiện thanh toán 02 năm) và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng.
- (iii) Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam có vốn điều lệ thực góp là 5.840.000.000 đồng. Khoản đầu tư tại 01/01/2021 có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 87,33%.  
Trong năm, Công ty tiến hành thoái bớt vốn đầu tư. Tại 31/12/2021, khoản đầu tư có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 18,84% trên vốn điều lệ thực góp.
- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do chưa có hướng dẫn cụ thể, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Powerchina Nuclear engineering company	-	18.785.543.416
Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	20.429.783.923	26.895.641.447
Công ty Cổ phần Quốc tế True-Biour	4.032.558.796	37.032.558.796
Samsung Engineering Co., LTD	7.659.326.914	64.728.457.019
Công ty CP Thép Sao Việt Hưng Yên	-	3.167.171.826
Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam	34.615.353.884	-
Khách hàng khác	304.272.346.529	280.770.831.283
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	10.100.370.821	14.273.964.829
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	1.505.614.495	-
Công ty CP thép Châu Phong - Animex	6.102.468.295	11.743.165.373
	<b>388.717.823.657</b>	<b>457.397.333.989</b>

4. Trả trước cho người bán	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty CP XD & ĐT Phát triển Bạch Đằng 12 (*)	11.874.260.299	11.874.260.299
Công ty CP Công nghiệp & Phát triển Hoàng Mai	6.518.739.324	6.229.289.449
Công ty TNHH công nghiệp thương mại Thống Nhất	6.486.184.815	-
Người bán khác	56.841.567.383	35.375.599.996
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>		
Công ty CP Thép Châu phong - Animex	-	91.495.068
	<b>81.720.751.821</b>	<b>53.570.644.812</b>

- (\*) Nhà thầu phụ của Amecc tại dự án Hangar Nội Bài (Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay). Dự án Hangar Nội Bài đang dừng thi công từ năm 2019. Đến nay, Dự án đang được khởi động trở lại, dự kiến đến tháng 02/2022 sẽ tiếp tục thi công.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

 Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

 Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. Phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu khác	8.087.905.605	-	5.729.392.923	-
Tạm ứng	19.422.303.540	-	26.131.115.139	-
Ký cược, ký quỹ	27.384.304.146	-	42.294.041.170	-
	<b>54.894.513.291</b>	<b>-</b>	<b>74.154.549.232</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	4.722.419.260	-	3.030.199.680	-
	<b>4.722.419.260</b>	<b>-</b>	<b>3.030.199.680</b>	<b>-</b>
6. Nợ xấu	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	39.024.920.001	3.111.269.623	19.473.749.919	-
	<b>39.024.920.001</b>	<b>3.111.269.623</b>	<b>19.473.749.919</b>	<b>-</b>
7. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	29.749.035.771	-
Nguyên liệu, vật liệu	367.397.169.009	-	489.162.015.064	-
Công cụ, dụng cụ	37.059.769.259	-	37.052.037.866	-
Chi phí SXKD dở dang	407.495.352.299	-	380.693.621.886	-
Thành phẩm	-	-	4.874.741.043	-
Hàng hóa	1.021.462.595	-	10.549.142.999	-
	<b>812.973.753.162</b>	<b>-</b>	<b>952.080.594.629</b>	<b>-</b>
8. Chi phí trả trước	31/12/2021		01/01/2021	
<b>Ngắn hạn</b>				
Công cụ dụng cụ			407.109.449	312.836.348
Phí đảm bảo Upas LC			-	1.902.466.741
Chi phí khác			601.484.821	7.022.045
			<b>1.008.594.270</b>	<b>2.222.325.134</b>
<b>Dài hạn</b>				
Công cụ dụng cụ			724.577.040	4.441.487.271
Chi phí trả trước khác			1.169.748.818	93.549.299
			<b>1.894.325.858</b>	<b>4.535.036.570</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, DC quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2021	126.440.890.604	169.734.274.357	30.613.089.131	1.467.116.967	1.128.103.077	329.383.474.136
Mua trong kỳ	-	4.051.937.121	5.876.733.852	121.329.600	-	10.050.000.573
ĐT XDCB hoàn thành	-	83.681.307.780	-	-	13.934.644.704	97.615.952.484
Tăng khác	-	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(316.518.000)	-	-	-	(316.518.000)
Giảm khác	-	(502.877.471)	(5.014.153.272)	(40.000.000)	(132.443.231)	(5.689.473.974)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>126.440.890.604</b>	<b>256.648.123.787</b>	<b>33.475.669.711</b>	<b>1.548.446.567</b>	<b>14.930.304.550</b>	<b>433.043.435.219</b>

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư 01/01/2021	46.953.393.223	86.568.475.084	21.007.847.242	1.188.992.419	173.850.789	155.892.558.757
Khấu hao trong kỳ	5.731.145.394	17.380.601.038	2.644.369.314	336.799.028	982.936.170	27.075.850.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.309.464)	-	-	-	(2.309.464)
Giảm khác	(1.791.660)	(79.068.522)	(2.275.576.853)	(40.992.419)	-	(2.397.429.454)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>52.682.746.957</b>	<b>103.867.698.136</b>	<b>21.376.639.703</b>	<b>1.484.799.028</b>	<b>1.156.786.959</b>	<b>180.568.670.783</b>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2021	79.487.497.381	83.165.799.273	9.605.241.889	278.124.548	954.252.288	173.490.915.379
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>73.758.143.647</b>	<b>152.780.425.651</b>	<b>12.099.030.008</b>	<b>63.647.539</b>	<b>13.773.517.591</b>	<b>252.474.764.436</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 120.496.936.685  
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.371.212.811

Trong giá trị TSCĐ đầu tư XDCB hành thành có giá trị Cầu trục bánh xích 800T nhãn hiệu Zoomlion, nguyên giá 83.181.815.780 đồng. Tài sản này được ghi tăng từ ngày 30/09/2021 và đăng ký trích khấu hao với thời gian sử dụng tối đa 20 năm. Giá trị sản lượng mang lại tính đến 31/12/2021 là 27.016.045.454 đồng.

**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư 01/01/2021	90.789.637.211
Thuê tài chính trong kỳ	44.213.001.318
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>135.002.638.529</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư 01/01/2021	17.543.110.084
Khấu hao trong kỳ	10.629.368.386
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>28.172.478.470</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	73.246.527.127
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>106.830.160.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chi phí giải phóng		Cộng
	mặt bằng	Phần mềm	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư 01/01/2021	44.042.972.877	3.314.103.520	47.357.076.397
Giảm khác		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>44.042.972.877</b>	<b>3.284.103.520</b>	<b>47.327.076.397</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư 01/01/2021	11.071.558.644	449.917.316	11.521.475.960
Khấu hao trong kỳ	960.652.584	191.295.180	1.151.947.764
Giảm khác		(12.500.000)	(12.500.000)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>12.032.211.228</b>	<b>628.712.496</b>	<b>12.660.923.724</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	32.971.414.233	2.864.186.204	35.835.600.437
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>32.010.761.649</b>	<b>2.655.391.024</b>	<b>34.666.152.673</b>

**12. Tài sản dở dang dài hạn**

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản dở dang khác	92.713.117.498	46.104.968.117
	<b>92.713.117.498</b>	<b>46.104.968.117</b>

**13. Phải trả người bán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Phải trả người bán</b>				
Cty TNHH Marubeni Itochu steel Việt Nam	18.553.350.482	18.553.350.482	36.063.298.420	36.063.298.420
Công ty CP Xây lắp điện 1	60.132.656.568	60.132.656.568	108.132.656.568	108.132.656.568
Công ty CP Thép Miền Bắc	26.649.311.929	26.649.311.929	3.302.687.450	3.302.687.450
Công ty CP chế tạo giàn khoan dầu khí	41.586.879.277	41.586.879.277	52.954.354.062	52.954.354.062
Khách hàng khác	232.689.345.801	232.689.345.801	270.348.800.242	270.348.800.242
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	1.986.854.705	1.986.854.705	3.373.001.907	3.373.001.907
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	33.753.150.781	33.753.150.781	3.602.404.380	3.602.404.380
	<b>415.351.549.543</b>	<b>415.351.549.543</b>	<b>477.777.203.029</b>	<b>477.777.203.029</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14. Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Máy Bay (*)	75.065.907.540	75.065.907.540
BHI Co., Ltd	-	25.882.313.376
Công ty Cổ Phần Chế tạo bơm Hải Dương	9.440.000.020	20.000.000.000
Samsung Engineering Co., Ltd	39.950.346.505	-
Zilei International Engineering Consultant Co., Ltd	21.198.233.370	-
Khách hàng khác	48.927.101.808	41.585.095.112
	<b>194.581.589.243</b>	<b>162.533.316.028</b>

(\*) Khoản trả trước liên quan đến dự án Hangar Nội Bài (Thuyết minh V.4).

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****Phải nộp**

	31/12/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2021
Thuế GTGT đầu ra	-	36.998.826.234	37.899.150.734	900.324.500
Thuế phải nộp của Amecc Myar	34.560.642	34.560.642	78.486.380	78.486.380
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.555.071.750	14.555.071.750	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	295.513.609	295.513.609	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.118.346.660	10.834.182.926	12.674.089.032	23.958.252.766
Thuế thu nhập cá nhân	236.619.354	1.883.859.914	2.249.579.427	602.338.867
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	823.493.110	2.674.600.111	1.800.000.000	(51.107.001)
Phí, lệ phí và các khoản phải	-	89.645.497	91.745.497	2.100.000
	<b>23.213.019.766</b>	<b>67.366.260.683</b>	<b>69.643.636.429</b>	<b>25.490.395.512</b>

**Trong đó:**

	31/12/2021	01/01/2021
Phải nộp	23.213.019.766	25.541.502.513
Phải thu	-	51.107.001
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp:</b>		<b>Năm 2021</b>
Số thực nộp		12.141.870.969
Thoái công ty con		532.218.063

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí tiền lương	-	374.968.348
Các khoản trích trước chi phí thi công	17.351.258.944	18.312.951.081
	<b>17.351.258.944</b>	<b>18.687.919.429</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Thi công lắp đặt KCT và các hệ thống khác - Dự án Dung Quất HP GĐ2	1.501.707.891	1.501.707.891
XD và cung cấp thiết bị - Dự án đầu tư Myanmar	1.545.573.369	1.545.573.369
	<b>3.047.281.260</b>	<b>3.047.281.260</b>

Các khoản doanh thu nhận trước (theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng) từ khách hàng Trung Quốc và Myanmar năm 2019, hợp đồng đang tạm dừng do dịch bệnh.

18. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	19.450.458.301	14.625.157.507
Cổ tức phải trả	2.250.852.576	2.257.830.076
Ngân hàng HDBank - CN Hải Phòng (UPAS L/C)	36.259.602.409	397.946.523.733
Ngân hàng TMCP công thương - CN Đông Hải Phòng (UPAS L/C)	3.912.401.797	-
Phải trả phải nộp khác	10.108.571.499	15.282.592.335
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Nguyễn Văn Nghĩa - Lãi vay	-	14.794.488.860
	<b>71.981.886.582</b>	<b>444.906.592.511</b>
<b>Dài hạn</b>		
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	60.500.000
Phải trả Hongkong Topway Trading Co., Ltd (i)	71.334.598.400	-
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	136.803.412.954	-
<i>Chuyển nhượng khoản đầu tư tại Myanmar (ii)</i>	<i>96.803.412.954</i>	-
<i>Vốn hợp tác kinh doanh (iii)</i>	<i>40.000.000.000</i>	-
	<b>208.138.011.354</b>	<b>60.500.000</b>

- (i) Khoản phải trả liên quan đến L/C trả chậm do Ngân hàng HDBank - CN Hải Phòng tài trợ vào ngày đáo hạn bằng hợp đồng tín dụng trong vòng 48 tháng.
- (ii) Khoản tiền đối trừ tiền Công ty vay ông Nguyễn Văn Nghĩa thanh toán cho việc chuyển nhượng khoản đầu tư tại Myanmar theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng.
- (iii) Khoản tiền chuyển cho Công ty với mục đích góp vốn hợp tác kinh doanh Tổ hợp Samsung.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**19. Vay và nợ thuê tài chính**

**19.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>615.318.309.022</b>	<b>1.350.248.305.429</b>	<b>1.367.981.561.818</b>	<b>633.051.565.411</b>
NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	98.847.041.756	168.180.335.502	134.022.857.319	64.689.563.573
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồ Sơn	171.397.870.878	438.698.210.625	366.922.759.609	99.622.419.862
NH TMCP Phát triển Thành phố HCM - CN Hải Phòng	247.251.677.237	516.815.010.687	535.500.882.766	265.937.549.316
NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	46.237.951.866	128.233.614.374	160.827.648.097	78.831.985.589
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	9.627.955.653	31.329.295.413	56.618.943.940	34.917.604.180
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Hải Phòng	41.955.811.632	66.991.838.828	100.213.617.259	75.177.590.063
NH TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	-	-	4.047.773.455	4.047.773.455
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	9.827.079.373	9.827.079.373
<b>Vay tổ chức, cá nhân</b>	<b>11.409.620.152</b>	<b>22.939.620.152</b>	<b>11.630.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Các đối tượng khác	11.409.620.152	22.939.620.152	11.630.000.000	100.000.000
<b>Vay nợ DH đến hạn trả</b>	<b>46.667.328.981</b>	<b>49.781.220.111</b>	<b>38.509.667.452</b>	<b>35.395.776.322</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	29.693.295.201	30.286.594.363	24.764.186.636	24.170.887.474
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.974.033.780	19.494.625.748	13.745.480.816	11.224.888.848
	<b>673.395.258.155</b>	<b>1.422.969.145.692</b>	<b>1.418.121.229.270</b>	<b>668.547.341.733</b>

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>673.395.258.155</b>	<b>668.547.341.733</b>

**19.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>29.641.742.013</b>	<b>10.771.278.924</b>	<b>24.764.186.636</b>	<b>43.634.649.725</b>
NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	2.444.666.664	2.823.200.000	1.050.929.136	672.395.800
NH TMCP Phát triển Tp HCM - CN Hải Phòng	10.210.668.085	-	16.800.000.000	27.010.668.085
NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	7.610.318.340	-	5.034.727.500	12.645.045.840
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	1.933.260.000	-	1.373.280.000	3.306.540.000
NH TMCP Phương Đông OCB (Việt Nam)	7.442.828.924	7.948.078.924	505.250.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
<b>Vay bên liên quan</b>	<b>15.700.000.000</b>	<b>45.803.783.338</b>	<b>106.903.783.338</b>	<b>76.800.000.000</b>
Nguyễn Văn Nghĩa	-	20.103.783.338	96.903.783.338	76.800.000.000
Nguyễn Văn Thọ	7.000.000.000	17.000.000.000	10.000.000.000	
Nguyễn Thị Hà	1.200.000.000	1.200.000.000	-	
Nguyễn Hữu Phong	7.500.000.000	7.500.000.000	-	
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>59.254.336.331</b>	<b>37.542.915.751</b>	<b>13.745.480.816</b>	<b>35.456.901.396</b>
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	18.286.126.541	1.067.189.663	10.688.030.968	27.906.967.846
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.968.209.790	36.475.726.088	3.057.449.848	7.549.933.550
	<b>104.596.078.344</b>	<b>94.117.978.013</b>	<b>145.413.450.790</b>	<b>155.891.551.121</b>
Trong đó:				
Đến hạn trả	46.667.328.981	49.781.220.111	38.509.667.452	35.395.776.322
<b>Vay và nợ thuê TC DH</b>	<b>57.928.749.363</b>			<b>120.495.774.799</b>
			<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>Số có khả năng trả nợ</b>			<b>57.928.749.363</b>	<b>120.495.774.799</b>

**Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2021**

Khoản vay ngắn hạn của các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

**Thông tin liên quan đến các khoản vay dài hạn tại 31/12/2021**

Khoản vay dài hạn của các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để đầu tư tài sản dài hạn. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

**Thông tin liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại 31/12/2021**

Mục đích vay để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể.

**19.3. Các khoản nợ thuê tài chính**

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Năm 2020</b>				
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	14.162.120.295	27.274.927.753	-	<b>41.437.048.048</b>
Trả lãi tiền thuê	2.937.231.447	3.042.915.205	-	<b>5.980.146.652</b>
Trả nợ gốc	11.224.888.848	24.232.012.548	-	<b>35.456.901.396</b>
<b>Năm 2021</b>				
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	18.503.322.072	27.274.927.753	-	<b>45.778.249.825</b>
Trả lãi tiền thuê	1.529.288.292	3.690.191.561	-	<b>5.219.479.853</b>
Trả nợ gốc	16.974.033.780	42.280.302.551	-	<b>59.254.336.331</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20. Dự phòng phải trả	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng quỹ tiền lương	15.000.000.000	-
	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Mức dự phòng không quá 17% quỹ tiền lương thực chi trả năm 2021 (không có số chi trả tiền lương dự phòng do năm 2020 Công ty không thực hiện trích).

**21. Vốn chủ sở hữu****21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Lợi ích CĐ không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2020	333.000.000.000	(2.948.000.000)	-	7.626.556.469	47.894.541.423	21.967.837.834	407.540.935.726
Tăng vốn trong kỳ	33.298.650.000						33.298.650.000
Lãi trong kỳ					46.018.657.496	758.397.277	46.777.054.773
Trích quỹ				2.975.196.767			2.975.196.767
Giảm khác		(77.000.000)					(77.000.000)
Chuyển đổi báo cáo			905.701.285				905.701.285
Phân phối lợi nhuận					(37.166.405.797)		(37.166.405.797)
<b>Số dư 31/12/2020</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>(3.025.000.000)</b>	<b>905.701.285</b>	<b>10.601.753.236</b>	<b>56.746.793.122</b>	<b>22.726.235.111</b>	<b>454.254.132.754</b>
Số dư 01/01/2021	366.298.650.000	(3.025.000.000)	905.701.285	10.601.753.236	56.746.793.122	22.726.235.111	454.254.132.754
Lãi trong kỳ					38.826.631.870	900.563.205	39.727.195.075
Trích quỹ				43.695.799.086			43.695.799.086
Giảm khác					(115.245.725)	(23.626.798.316)	(23.742.044.041)
Chuyển đổi báo cáo			(2.516.825.197)				(2.516.825.197)
Phân phối lợi nhuận					(43.695.799.086)		(43.695.799.086)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>(3.025.000.000)</b>	<b>(1.611.123.912)</b>	<b>54.297.552.322</b>	<b>51.762.380.181</b>	<b>-</b>	<b>467.722.458.591</b>

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 26/06/2021 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển 43.695.799.086

21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Nguyễn Văn Thọ	13,98	51.224.790.000	12,57	46.039.690.000
Nguyễn Văn Nghĩa	12,31	45.100.000.000	12,31	45.100.000.000
Sankyu Inc	30,03	110.000.000.000	30,03	110.000.000.000
Cổ đông khác	43,67	159.973.860.000	45,09	165.158.960.000
	<b>100,00</b>	<b>366.298.650.000</b>	<b>100,00</b>	<b>366.298.650.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	366.298.650.000	333.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	33.298.650.000
Vốn góp cuối kỳ	366.298.650.000	366.298.650.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	33.298.650.000
<b>21.4. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.629.865	36.629.865
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	36.629.865
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	36.629.865
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>21.5. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Quỹ đầu tư phát triển	54.297.552.322	10.601.753.236
<b>22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Tiền USD	1.450.293,93	418.193,33
Tiền EUR	148,56	114,72
Tiền Kyats	135.085,00	132.085,00
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
	Đơn vị tính: VND	
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Doanh thu nhượng bán vật tư	1.306.416.999.790	1.573.892.817.433
Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác	1.371.570.829.420	1.408.669.714.728
	<b>2.677.987.829.210</b>	<b>2.982.562.532.161</b>
<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	102.470.182.937	95.776.570.421
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	92.398.112.481	-
Công ty CP thép Châu Phong - Animex	-	150.142.687.875
	<b>194.868.295.418</b>	<b>245.919.258.296</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.	Giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
	Giá vốn nhượng bán vật tư, hàng hóa	1.241.791.786.178	1.522.273.151.793
	Giá vốn chế tạo lắp đặt, khác	1.239.159.631.758	1.267.906.213.620
		<b>2.480.951.417.936</b>	<b>2.790.179.365.413</b>
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.316.639.884	8.336.648.320
	Lãi chênh lệch tỷ giá	4.926.300.487	1.389.990.127
		<b>10.242.940.371</b>	<b>9.726.638.447</b>
4.	Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	Lãi tiền vay	46.808.061.587	78.843.663.959
	Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.184.105.423	-
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.710.083.502	1.800.883.633
	Chi phí tài chính khác	4.222.351.214	-
	Phí bảo lãnh	-	8.343.897.412
		<b>58.924.601.726</b>	<b>88.988.445.004</b>
5.	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
	<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.028.398.596	-
		<b>15.028.398.596</b>	<b>-</b>
	<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Chi phí nhân viên quản lý	27.826.421.599	25.315.352.618
	Chi phí quản lý khác	48.801.120.275	27.947.663.205
		<b>76.627.541.874</b>	<b>53.263.015.823</b>
6.	Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.309.464	-
	Bán phế liệu	2.324.707.332	-
	Các khoản khác	855.066.014	4.240.857.443
		<b>3.182.082.810</b>	<b>4.240.857.443</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**

Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn,  
huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	1.156.537.793	1.317.608.562
Chi phí phế liệu	2.144.213.859	-
Tài sản thiếu kiểm kê	1.649.701.607	-
Thuế GTGT không được hoàn	-	1.725.803.720
Chi phí khác	4.390.269.366	1.449.604.288
	<b>9.340.722.625</b>	<b>4.629.515.820</b>
	<hr/>	
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	504.300.959.139	378.098.096.151
Chi phí nhân công	494.262.365.408	138.508.185.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.974.335.426	34.244.090.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.502.427.986	648.500.383.384
Chi phí khác bằng tiền	208.260.523.416	9.252.231.494
	<b>1.358.300.611.375</b>	<b>1.208.602.987.143</b>
	<hr/>	
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.611.649.523	59.427.127.263
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Thuế tính theo thuế suất hiện hành	10.122.329.905	11.885.425.453
Chi phí không được khấu trừ thuế	833.630.298	5.126.504.159
Thu nhập không tính thuế	(121.777.277)	(109.388.332)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.834.182.926</b>	<b>16.902.541.280</b>
	<hr/>	
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.826.631.870	46.018.657.496
Các khoản điều chỉnh	(1.188.372.267)	(1.408.499.622)
Quý khen thưởng, phúc lợi tạm tính/ thực tế	(1.188.372.267)	(1.408.499.622)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.638.259.603	44.610.157.874
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.629.865	35.010.422
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.028</b>	<b>1.274</b>

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT trong tương lai	Năm 2021	Năm 2020
Mua tài sản cố định thuê tài chính	44.213.001.318	48.353.835.130
<b>2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng</b>		
<p>Các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng tại 31/12/2021 là khoản tiền phong tỏa tại Ngân hàng HDBank số tiền 31.511.100.000 đồng, Ngân hàng VietinBank số tiền 3.579.013.520 đồng nhằm đảm bảo cho các khoản thư tín dụng trả chậm có giá trị thanh toán trả ngay (UPAS L/C).</p>		
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm 2021	Năm 2020
Tiền thu từ đi vay từ kế ước thông thường:	1.441.894.726.521	1.720.733.555.148
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Năm 2021	Năm 2020
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	1.410.520.599.242	1.681.502.872.740

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/2017/ĐHCĐ-AMECC ngày 02/4/2017, Hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch và phương án đầu tư ra nước ngoài tại Myanmar bằng hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards với tổng mức đầu tư là 42,073 triệu USD, sau đó tạm được điều chỉnh là 26,31 triệu USD theo văn bản số 50BS/PABS-AMECC ngày 25/3/2019 của Tổng giám đốc gửi Hội đồng quản trị. Hiện tại, kế hoạch đầu tư trên vẫn đang trong quá trình thực hiện. Công ty đang làm các thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

Bên cạnh đó, trong kỳ Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư cho ông Nguyễn Văn Nghĩa theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT-AMECC ngày 27/07/2021 thông qua chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị 199.092.919.509 đồng. Việc chuyển nhượng đang được tiến hành.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

**3.1. Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	Cùng thành viên góp vốn
Công ty CP Thép Châu phong - Animex	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	Cùng thành viên góp vốn
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT

**3.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau**

<u>Bên liên quan/Nội dung</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
<b>Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh</b>		
Bán hàng	102.470.182.937	95.776.570.421
Mua hàng	141.648.541.016	36.934.322.695
<b>Công ty CP thép Châu Phong - Animex</b>		
Bán hàng	-	163.198.502.408
Mua hàng	-	131.513.628.691
<b>Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT</b>		
Bán hàng	92.398.112.481	-
Mua hàng	200.197.840.408	-
<b>Ông Nguyễn Văn Nghĩa</b>		
Phải trả lãi vay	5.309.294.478	13.971.266.671
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	40.000.000.000	-
Phải trả khác	96.803.412.954	-
<b>Ông Trần Ngọc Dương</b>		
Phải trả lãi vay	-	609.999.999

**3.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

**3.4. Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký</b>	<b>2.738.884.686</b>	<b>2.515.732.635</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>463.323.000</b>	<b>440.600.000</b>
Nguyễn Văn Nghĩa	120.000.000	91.800.000
Nguyễn Văn Thọ	91.323.000	122.000.000
Nguyễn Sơn	42.000.000	75.600.000
Trần Ngọc Dương	84.000.000	75.600.000
Đình Ngọc Thắng	84.000.000	75.600.000
Lê Minh Tuấn	42.000.000	-
<b>Ban Tổng giám đốc</b>	<b>1.905.784.393</b>	<b>1.717.841.677</b>
Nguyễn Văn Thọ	743.362.678	625.912.305
Yukio Miyota	-	148.235.100
Nguyễn Văn Dũng	590.428.926	473.097.136
Lê Minh Tuấn	407.860.769	-
Đỗ Tiến Thành	164.132.020	470.597.136
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>369.777.293</b>	<b>357.290.958</b>
Nguyễn Hữu Phong	369.777.293	357.290.958



4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ chế tạo, lắp đặt, khác; Dịch vụ thương mại.

	Năm 2021			Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Loại trừ	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.245.581.074.514	1.464.427.750.781	(32.020.996.085)	2.677.987.829.210
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.215.827.865.578	1.435.297.303.554	(29.907.629.260)	2.621.217.539.872
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>29.753.208.936</b>	<b>29.130.447.227</b>	<b>(2.113.366.825)</b>	<b>56.770.289.338</b>
	<b>31/12/2021</b>			
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Tài sản bộ phận	1.379.078.727.160	315.788.951.421		1.694.867.678.581
Tài sản không phân bổ				471.385.556.924
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.379.078.727.160</b>	<b>315.788.951.421</b>	<b>-</b>	<b>2.166.253.235.505</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	706.807.630.015	9.440.000.020		716.247.630.035
Nợ phải trả không phân bổ				982.283.146.879
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>706.807.630.015</b>	<b>9.440.000.020</b>	<b>-</b>	<b>1.698.530.776.914</b>
	<b>Năm 2020</b>			
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.421.473.521.513	1.593.110.006.733	(32.020.996.085)	2.982.562.532.161
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.279.147.240.313	1.519.589.501.330	124.010.004.879	2.922.746.746.521
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>142.326.281.200</b>	<b>73.520.505.403</b>	<b>(156.031.000.964)</b>	<b>59.815.785.640</b>
	<b>31/12/2020</b>			
	Hoạt động chế tạo lắp đặt, khác	Hoạt động thương mại	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Tài sản bộ phận	1.351.493.969.973	411.929.129.928		1.763.423.099.901
Tài sản không phân bổ				619.921.177.620
Đầu tư vào công ty con	16.725.270.000	21.349.480.000	(38.074.750.000)	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.368.219.239.973</b>	<b>433.278.609.928</b>	<b>(38.074.750.000)</b>	<b>2.383.344.277.521</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	596.985.755.449	111.720.788.176		708.706.543.625
Nợ phải trả không phân bổ				1.220.383.601.142
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>596.985.755.449</b>	<b>111.720.788.176</b>	<b>-</b>	<b>1.929.090.144.767</b>

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hào

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

